

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 17/04/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Trọng Quang	Nam	06/11/1978	Nghệ An	7.0	6.5	1662/QĐ196/2021	TH001666	
2	Nguyễn Thị Tuyết Anh	Nữ	03/07/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1724/QĐ196/2021	TH001667	
3	Lê Văn Cường	Nam	14/04/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1725/QĐ196/2021	TH001668	
4	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	24/09/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1726/QĐ196/2021	TH001669	
5	Lô Văn Danh	Nam	19/08/1986	Nghệ An	5.7	7.5	1727/QĐ196/2021	TH001670	
6	Trần Thành Đạt	Nam	01/06/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1728/QĐ196/2021	TH001671	
7	Trần Đăng Đạt	Nam	03/04/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1729/QĐ196/2021	TH001672	
8	Triệu Thị Diệp	Nữ	18/12/1997	Cao bằng	6.7	6.5	1730/QĐ196/2021	TH001673	
9	Hồ Vĩnh Đức	Nam	08/07/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1731/QĐ196/2021	TH001674	
10	Lương Huỳnh Đức	Nam	12/10/1992	Nghệ An	5.7	6.5	1732/QĐ196/2021	TH001675	
11	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	26/05/2003	Nghệ An	5.3	7.5	1733/QĐ196/2021	TH001676	
12	Trần Văn Hào	Nam	24/06/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1734/QĐ196/2021	TH001677	
13	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	12/11/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1735/QĐ196/2021	TH001678	
14	Trần Thị Thu Hoài	Nữ	09/02/2003	Nghệ An	7.0	6.5	1736/QĐ196/2021	TH001679	
15	Nguyễn Sỹ Hoàng	Nam	25/01/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1737/QĐ196/2021	TH001680	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
16	Hà Ngọc Huy	Nam	27/07/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1738/QĐ196/2021	TH001681	
17	Bùi Thị Huyền	Nữ	04/12/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1739/QĐ196/2021	TH001682	
18	Nguyễn Hữu Lâm	Nam	04/10/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1740/QĐ196/2021	TH001683	
19	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	08/08/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1741/QĐ196/2021	TH001684	
20	Trần Văn Linh	Nam	04/01/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1742/QĐ196/2021	TH001685	
21	Nguyễn Hữu Long	Nam	24/10/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1743/QĐ196/2021	TH001686	
22	Nguyễn Bá Mạnh	Nam	30/11/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1744/QĐ196/2021	TH001687	
23	Phan Văn Mạnh	Nam	01/12/2003	Nghệ An	5.0	5.0	1745/QĐ196/2021	TH001688	
24	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	19/11/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1746/QĐ196/2021	TH001689	
25	Trần Bảo Ngọc	Nam	17/07/1997	Nghệ An	6.3	6.5	1747/QĐ196/2021	TH001690	
26	Nguyễn Tài Nguyên	Nam	26/06/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1748/QĐ196/2021	TH001691	
27	Đặng Thị Nhàn	Nữ	26/03/2003	Nghệ An	6.7	5.0	1749/QĐ196/2021	TH001692	
28	Đậu Thị Phương Như	Nữ	29/10/1994	Nghệ An	6.7	7.0	1750/QĐ196/2021	TH001693	
29	Vì Thị Nhun	Nữ	12/02/1991	Nghệ An	6.0	6.0	1751/QĐ196/2021	TH001694	
30	Nguyễn Văn Phú	Nam	03/11/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1752/QĐ196/2021	TH001695	
31	Nguyễn Ngô Phúc	Nam	15/02/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1753/QĐ196/2021	TH001696	
32	Trần Thị Phương	Nữ	25/08/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1754/QĐ196/2021	TH001697	
33	Lê Đức Quân	Nam	24/10/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1755/QĐ196/2021	TH001698	
34	Trần Thị Quỳnh	Nữ	01/12/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1756/QĐ196/2021	TH001699	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
35	Nguyễn Văn Tài	Nam	06/04/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1757/QĐ196/2021	TH001700	
36	Chu Thị Thu Thanh	Nữ	06/05/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1758/QĐ196/2021	TH001701	
37	Đặng Văn Thành	Nam	16/10/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1759/QĐ196/2021	TH001702	
38	Cao Thị Hồng Thúy	Nữ	27/06/1996	Nghệ An	6.7	6.0	1760/QĐ196/2021	TH001703	
39	Phan Thủy Tiên	Nữ	28/11/1994	Nghệ An	6.0	8.0	1761/QĐ196/2021	TH001704	
40	Thái Thị Bảo Trâm	Nữ	26/05/1997	Hà Tĩnh	6.7	8.5	1762/QĐ196/2021	TH001705	
41	Lục Thị Trang	Nữ	06/05/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1763/QĐ196/2021	TH001706	
42	Nguyễn Thị Trang	Nữ	08/03/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1764/QĐ196/2021	TH001707	
43	Nguyễn Văn Trung	Nam	26/12/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1765/QĐ196/2021	TH001708	
44	Hoàng Hữu Bảo Trung	Nam	09/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1766/QĐ196/2021	TH001709	
45	Nguyễn Đình Trường	Nam	03/08/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1767/QĐ196/2021	TH001710	
46	Nguyễn Đức Trường	Nam	27/12/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1768/QĐ196/2021	TH001711	
47	Phạm Mạnh Uy	Nam	26/08/2003	Nghệ An	7.0	7.0	1769/QĐ196/2021	TH001712	
48	Bùi Công Bảo	Nam	21/05/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1641/QĐ196/2021	TH001713	
49	Nguyễn Thanh Bảo	Nam	24/11/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1642/QĐ196/2021	TH001714	
50	Nguyễn Thái Bình	Nam	15/12/2004	Nghệ An	6.3	6.0	1643/QĐ196/2021	TH001715	
51	Nguyễn Trần Chiến	Nam	17/11/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1644/QĐ196/2021	TH001716	
52	Trần Ngọc Chiến	Nam	16/8/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1645/QĐ196/2021	TH001717	
53	Đậu Đức Đại	Nam	24/04/2004	Nghệ An	6.0	6.5	1646/QĐ196/2021	TH001718	
54	Nguyễn Thái Dương	Nam	11/11/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1647/QĐ196/2021	TH001719	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
55	Bùi Văn Hiếu	Nam	03/06/2004	Nghệ An	7.0	5.5	1648/QĐ196/2021	TH001720	
56	Bùi Công Huy	Nam	15/07/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1649/QĐ196/2021	TH001721	
57	Dương Công Huy	Nam	12/06/2004	Nghệ An	6.0	6.5	1650/QĐ196/2021	TH001722	
58	Hoàng Quốc Khánh	Nam	12/07/2004	Nghệ An	6.3	5.5	1651/QĐ196/2021	TH001724	
59	Trương Thị Vân Khánh	Nữ	26/11/2004	Nghệ An	6.0	5.0	1652/QĐ196/2021	TH001725	
60	Nguyễn Trung Kiên	Nam	15/08/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1653/QĐ196/2021	TH001726	
61	Nguyễn Thanh Kiên	Nam	12/12/2004	Nghệ An	5.3	5.0	1654/QĐ196/2021	TH001727	
62	Hoàng Thị Huệ Linh	Nữ	01/09/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1655/QĐ196/2021	TH001728	
63	Vũ Thị Thùy Linh	Nữ	11/07/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1656/QĐ196/2021	TH001729	
64	Phùng Tuấn Lộc	Nam	27/08/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1657/QĐ196/2021	TH001730	
65	Nguyễn Trọng Nguyên	Nam	13/09/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1658/QĐ196/2021	TH001731	
66	Trần Đình Quân	Nam	02/04/2004	Nghệ An	5.7	7.0	1659/QĐ196/2021	TH001732	
67	Đặng Minh Quân	Nam	16/02/2004	Nghệ An	6.7	6.5	1660/QĐ196/2021	TH001733	
68	Cao Xuân Quang	Nam	03/04/2004	Nghệ An	6.3	5.5	1661/QĐ196/2021	TH001734	
69	Nguyễn Thị Quỳnh	0	15/07/2004	Nghệ An	5.7	7.0	1663/QĐ196/2021	TH001735	
70	Tăng Mạnh Quỳnh	Nam	11/10/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1664/QĐ196/2021	TH001736	
71	Nguyễn Huỳnh Hồng Sơn	Nam	29/11/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1665/QĐ196/2021	TH001737	
72	Trần Minh Tâm	Nam	26/02/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1666/QĐ196/2021	TH001738	
73	Lạng Minh Thái	Nam	10/10/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1667/QĐ196/2021	TH001739	
74	Nguyễn Nhật Thái	Nam	10/08/2004	Nghệ An	6.7	6.0	1668/QĐ196/2021	TH001740	
75	Ngô Xuân Thắm	Nam	16/10/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1669/QĐ196/2021	TH001741	
76	Ngô Trí Thắng	Nam	24/01/2004	Nghệ An	5.3	5.5	1670/QĐ196/2021	TH001742	
77	Lê Phú Thành	Nam	22/06/2004	Nghệ An	6.0	6.5	1671/QĐ196/2021	TH001743	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
78	Hà Thị Thuận	Nam	07/07/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1672/QĐ196/2021	TH001744	
79	Bùi Đức Thuận	Nam	10/11/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1673/QĐ196/2021	TH001745	
80	Trần Văn Toàn	Nam	22/01/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1674/QĐ196/2021	TH001746	
81	Đặng Thị Trâm	Nam	30/01/2004	Nghệ An	5.3	6.0	1675/QĐ196/2021	TH001747	
82	Tạ Ngọc Tuấn	Nam	20/03/2004	Nghệ An	6.3	7.0	1676/QĐ196/2021	TH001748	
83	Vũ Minh Vượng	Nam	10/07/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1677/QĐ196/2021	TH001749	
84	Phan Thị Thảo Vy	Nữ	01/07/2004	Nghệ An	5.3	6.0	1678/QĐ196/2021	TH001750	
85	Vi Văn Bắc	Nam	22/04/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1679/QĐ196/2021	TH001751	
86	Lê Minh Châu	Nam	02/07/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1680/QĐ196/2021	TH001752	
87	Phạm Văn Cường	Nam	28/03/2004	Nghệ An	6.0	6.5	1681/QĐ196/2021	TH001753	
88	Võ Hồng Đức	Nam	21/11/2004	Nghệ An	5.7	7.5	1682/QĐ196/2021	TH001754	
89	Lương Quốc Dũng	Nam	19/10/2004	Nghệ An	5.3	6.0	1683/QĐ196/2021	TH001755	
90	Nguyễn Đình Dũng	Nam	19/01/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1684/QĐ196/2021	TH001756	
91	Trương Văn Dũng	Nam	01/02/2004	Nghệ An	7.0	5.0	1685/QĐ196/2021	TH001757	
92	Từ Văn Dương	Nam	10/02/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1686/QĐ196/2021	TH001758	
93	Trương Văn Duyệt	Nam	27/10/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1687/QĐ196/2021	TH001759	
94	Phạm Hồng Hải	Nam	15/07/2004	Nghệ An	6.0	5.5	1688/QĐ196/2021	TH001760	
95	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	06/09/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1689/QĐ196/2021	TH001761	
96	Vi Ngọc Hiếu	Nam	29/09/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1690/QĐ196/2021	TH001762	
97	Nguyễn Thạc Hòa	Nam	08/07/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1691/QĐ196/2021	TH001763	
98	Trương Công Hùng	Nam	25/03/2004	Nghệ An	6.3	5.5	1692/QĐ196/2021	TH001764	
99	Lương Đức Khánh	Nam	14/07/2004	Nghệ An	6.3	7.5	1693/QĐ196/2021	TH001765	
100	Cao Ánh Khuyên	Nam	18/09/2004	Nghệ An	6.3	7.5	1694/QĐ196/2021	TH001766	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
101	Hồ Sỹ Lâm	Nam	19/05/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1695/QĐ196/2021	TH001767	
102	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Nữ	26/09/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1696/QĐ196/2021	TH001768	
103	Đặng Thuỳ Linh	Nữ	08/04/2004	Nghệ An	6.7	6.5	1697/QĐ196/2021	TH001769	
104	Lương Thị Linh	Nữ	10/09/2004	Nghệ An	6.7	7.0	1698/QĐ196/2021	TH001770	
105	Nguyễn Văn Lộc	Nam	18/11/2004	Nghệ An	6.3	6.0	1699/QĐ196/2021	TH001771	
106	Vũ Hoàng Long	Nam	03/12/2004	Nghệ An	7.0	8.0	1700/QĐ196/2021	TH001772	
107	Tăng Quang Mạnh	Nam	14/05/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1701/QĐ196/2021	TH001773	
108	Lương Văn Minh	Nam	10/05/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1702/QĐ196/2021	TH001774	
109	Chu Thị Trà My	Nam	19/11/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1703/QĐ196/2021	TH001775	
110	Phạm Ngọc Nam	Nam	06/04/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1704/QĐ196/2021	TH001776	
111	Hà Quỳnh Nga	Nữ	16/09/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1705/QĐ196/2021	TH001777	
112	Phạm Văn Phương	Nam	22/02/2004	Nghệ An	5.0	5.5	1706/QĐ196/2021	TH001778	
113	Lê Công Nghĩa	Nam	02/01/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1707/QĐ196/2021	TH001779	
114	Trần Minh Ngọc	Nam	19/10/2003	Nghệ An	7.3	5.0	1708/QĐ196/2021	TH001780	
115	Trương Văn Đức Nguyên	Nam	04/11/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1709/QĐ196/2021	TH001781	
116	Nguyễn Thị Tuyết Nhã	Nữ	07/04/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1710/QĐ196/2021	TH001782	
117	Đỗ Ngọc Phú	Nam	19/04/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1711/QĐ196/2021	TH001783	
118	Đỗ Hồng Quân	Nam	27/05/2004	Nghệ An	6.7	6.5	1712/QĐ196/2021	TH001784	
119	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	09/03/2004	Nghệ An	6.0	7.0	1713/QĐ196/2021	TH001785	
120	Nguyễn Hoàng Sang	Nam	25/04/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1714/QĐ196/2021	TH001786	
121	Trần Tấn Tài	Nam	06/10/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1715/QĐ196/2021	TH001787	
122	Vi Văn Tân	Nam	12/12/2004	Nghệ An	5.3	5.0	1716/QĐ196/2021	TH001788	
123	Phạm Quang Thái	Nam	19/12/2004	Nghệ An	5.3	5.0	1717/QĐ196/2021	TH001789	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
124	Hoàng Công Thành	Nam	06/11/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1718/QĐ196/2021	TH001790	
125	Nguyễn Hoài Thương	Nam	26/12/2004	Nghệ An	5.7	7.0	1719/QĐ196/2021	TH001791	
126	Võ Thị Cẩm Tú	Nam	12/08/2004	Nghệ An	5.3	5.0	1720/QĐ196/2021	TH001792	
127	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	06/02/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1721/QĐ196/2021	TH001793	
128	Diệp Đình Việt	Nam	16/08/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1722/QĐ196/2021	TH001794	
129	Lô Văn Xuân	Nam	29/01/2004	Nghệ An	5.7	5.0	1723/QĐ196/2021	TH001795	

